



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Tiếng Anh thương mại quốc tế

Nguyễn Thị Ngọc

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	01		23	34	Anh	
2	000002	1001080383	Lê Lan	Anh	26/07/2004	TM10A	01		20	16	Anh	
3	000003	1001081182	Nguyễn Hồng	Anh	27/02/2004	TM10A	01		22	17	Anh	
4	000004	1001080386	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	08/11/2004	TM10A	01		20	15	Anh	
5	000005	1001081104	Ngô Thị Kim	Ánh	07/09/2004	TM10A	01		20	40	Anh	
6	000006	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	01		10	10	Bảo	
7	000007	1001081592	Nguyễn Ngọc	Bích	17/11/2004	TM10A	01		23	2	Bích	
8	000008	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	01		15	4	Châu	
9	000009	1001081107	Đỗ Đức	Cường	06/09/2004	TM10A	01		22	18	Cường	
10	000010	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	01		20	1	Hà	
11	000011	1001080390	Nguyễn Thị	Hào	31/07/2004	TM10A	01		20	11	Hào	
12	000012	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	01		15	36	Hiền	
13	000013	1001080391	Phạm Thị Thuý	Hiền	25/12/2004	TM10A	01		18	20	Hiền	
14	000014	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	01		23	39	Hiệp	
15	000015	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	01		21	6	Hồng	
16	000016	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	01		15	8	Huy	
17	000017	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	01		25	9	Kiệt	
18	000018	1001080397	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/02/2004	TM10A	01		15	19	Lan	
19	000019	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	01		10	41	Linh	
20	000020	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	01		17	14	Linh	
21	000021	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	01		24	25	Linh	
22	000022	1001081115	Nguyễn Diệu	Linh	12/02/2004	TM10A	01		23	26	Linh	
23	000023	1001080400	Nguyễn Thị Diệu	Linh	05/03/2004	TM10A	01		24	7	Linh	
24	000024	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM10A	01					
25	000025	1001080403	Cung Xuân	Mai	22/01/2004	TM10A	01		24	3	Mai	
26	000026	1001080404	Nguyễn Hùng	Mạnh	26/10/2004	TM10A	01		23	24	Mạnh	
27	000027	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	01		18	5	Minh	
28	000028	1001080408	Vũ Trần Minh	Ngọc	03/08/2004	TM10A	01		20	22	Ngọc	
29	000029	1001080409	Hoàng Tố	Nhi	12/11/2004	TM10A	01		22	23	Nhi	
30	000030	1001080413	Chu Lan	Phương	14/06/2004	TM10A	01		5,0	28	Phuong	
31	000031	1001081125	Phạm Thị	Phượng	22/06/2004	TM10A	01		23	42	Phượng	
32	000032	1001080415	Đỗ Trường	Son	21/07/2004	TM10A	01		15	37	Son	
33	000033	1001081437	Hồ Lê Phương	Thảo	23/10/2004	TM10A	01		22	30	Thảo	
34	000034	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	01		19	21	Thảo	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Điểm tờ	Ký nộp	Ghi chú
35	000035	1001080421	Mạc Đoàn Thanh	Trang	26/11/2004	TM10A	01		24	15	Trang	13
36	000036	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A	01		24	38	Tùng	36
37	000037	1001080422	Nguyễn Thanh	Vân	12/11/2004	TM10A	01		25	32	Thanh	
38	000038	1001080423	Trần Ngọc Yến	Vy	27/11/2004	TM10A	01		21	11	Vy	11
39	000039	0901080176	Nguyễn Huyền	Đức	01/07/2000	TM9A	01		20	38	Đức	38
40	000040	0901070873	Nguyễn Trà	My	13/09/2003	TM9A	01					
41	000041	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	01		15	35	Hồng	35

Tổng số sinh viên dự thi:.....3.9

Ngày 11... tháng 06... Năm 25

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....


Cao Thị Hoàng Anh


Đào Thị Hồng Lam